

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH G**

Bản án số: 05/2025/DS-ST

Ngày: 14-02-2025

V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Túy Uyên;
2. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đại Bình – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 325/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về *Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1990. Địa chỉ: 479 Phan Đình Phùng, thành phố P, tỉnh G. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Hoàng T, sinh năm 1984. Địa chỉ: 185 Cách Mạng Tháng Tám, thành phố P, tỉnh G. Địa chỉ làm việc: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh G tại 33 Quang Trung, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/9/2024 có tại hồ sơ vụ án, tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Duy H trình bày:

Do quen biết, anh có cho chị Lê Thị Hoàng T mượn số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), lãi suất thỏa thuận theo Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, thời hạn vay là 3 tháng, mục đích vay ghi tại giấy mượn tiền là để giải quyết việc gia đình, nhưng cụ thể khi mượn tiền thì chị T trình bày là chị T và chồng là anh Hoàng Trung Ân đang làm nhân viên tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi

nhánh G nên vay để đáo hạn cho khách hàng. Tuy nhiên khi viết giấy mượn tiền ngày 17/01/2024 thì chỉ có chị T ghi và ký tên người mượn tiền.

Sau khi đến hạn chị Lê Thị Hoàng T trả số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) nợ gốc và lãi suất theo thỏa thuận, thì chị T không trả nữa, mặc dù anh đã nhiều lần yêu cầu chị T và anh Ân trả số tiền nợ gốc và lãi đã mượn.

Về yêu cầu khởi kiện: tại đơn khởi kiện ngày 09/9/2024 anh yêu cầu chị Lê Thị Hoàng T và anh Nguyễn Hồ Trung Ân phải liên đới trả số tiền tổng cộng là 950.000.000 đồng (chín trăm năm mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và tiền lãi tính từ ngày khởi kiện là ngày 09/9/2024 cho đến khi giải quyết xong vụ án với lãi suất 20%/năm.

Tại phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải, anh thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chị Lê Thị Hoàng T trả số tiền là 950.000.000 đồng (chín trăm năm mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và tiền lãi tính từ ngày khởi kiện là ngày 09/9/2024 cho đến khi giải quyết xong vụ án (lãi suất 20%/năm) theo Giấy mượn tiền ngày 17/01/2024. Anh không yêu cầu anh Nguyễn Hồ Trung Ân phải liên đới trả cùng chị T vì tại giấy mượn tiền anh Ân không ký vào người mượn tiền.

Tại phiên tòa, anh giữ nguyên về yêu cầu số tiền nợ gốc và thay đổi yêu cầu về lãi suất là 10%/năm đối với số tiền nợ gốc chị T còn nợ là 950.000.000 đồng tính từ ngày khởi kiện là ngày 09/9/2024 đến ngày xét xử là ngày 14/02/2025 là 5 tháng 5 ngày tương đương với số tiền lãi là 40.739.166 đồng, và lãi suất tiếp tục phát sinh kể từ ngày 15/02/2025 cho đến khi chị T trả hết nợ.

Nay anh yêu cầu Tòa án buộc chị Lê Thị Hoàng T trả số tiền là 990.739.166 đồng (chín trăm chín mươi triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn một trăm sáu sáu đồng), trong đó: số tiền nợ gốc là 950.000.000 đồng (chín trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày khởi kiện là ngày 09/9/2024 cho đến ngày xét xử là ngày 14/02/2025 là 5 tháng 5 ngày tương đương với số tiền lãi là 40.739.166 đồng, và lãi suất tiếp tục phát sinh kể từ ngày 15/02/2025 cho đến khi chị T trả hết nợ.

Về án phí: Anh yêu cầu chị T phải chịu toàn bộ vì chị T vi phạm nghĩa vụ trả tiền.

Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đến làm việc; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án đối với vụ án trên hợp lệ cho bị đơn là chị Lê Thị Hoàng T và anh Nguyễn Hồ Trung Ân. Tuy nhiên, chị Lê Thị Hoàng T và anh Nguyễn Hồ Trung Ân không đến Tòa án để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, chị Lê Thị Hoàng T và anh Nguyễn Hồ Trung Ân không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền theo hợp đồng dân sự vay tài sản. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án này là *Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản* quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự là phù hợp theo quy định pháp luật. Nguyên đơn lựa chọn Tòa án nơi cư trú của bị đơn tại thành phố P, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo lãnh thổ và cấp xét xử, quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thời hiệu: Nguyên đơn làm đơn khởi kiện trong thời hiệu khởi kiện.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 09/12/2024: nguyên đơn anh H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn chị Lê Thị Hoàng T trả số tiền nợ gốc là 950.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày khởi kiện là ngày 09/9/2024 cho đến khi giải quyết xong vụ án (lãi suất 20%/năm) theo Giấy mượn tiền ngày 17/01/2024. Anh H không yêu cầu anh Nguyễn Hồ Trung Ân phải liên đới trả cùng chị T. Xét yêu cầu thay đổi của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Hồ Trung Ân phải liên đới trả cùng chị T trả nợ, vì tại giấy mượn tiền anh Ân không ký vào người mượn tiền là phù hợp với chứng cứ theo Giấy mượn tiền ngày 17/01/2024 có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xác định anh Nguyễn Hồ Trung Ân không tham gia trong vụ án với tư cách là bị đơn là phù hợp.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn chị Lê Thị Hoàng T trả lãi từ 20%/năm xuống còn 10%/năm. Xét yêu cầu thay đổi tính lãi này của nguyên đơn có lợi cho bị đơn chị Lê Thị Hoàng T và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn là chị Lê Thị Hoàng T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định tại Điều 178 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nhưng chị Lê Thị Hoàng T đều vắng mặt không có lý do. Như vậy, chị Lê Thị Hoàng T đã cố tình trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền và từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa vắng mặt bị đơn chị Lê Thị Hoàng T quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có mặt, không cung cấp lời khai, chứng cứ, tài liệu để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét những chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là bản gốc gồm: 01 Giấy mượn tiền ngày 17/01/2024 thể hiện chị Lê Thị Hoàng T có mượn của anh Nguyễn Duy H số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Xét giấy mượn tiền này thỏa thuận thời hạn trả nợ và thỏa thuận về lãi. Như vậy, hợp đồng đã giao kết giữa nguyên đơn anh Nguyễn Duy H với bị đơn chị Lê Thị Hoàng T là hợp đồng vay có kỳ hạn. Do vậy, sau khi đến hạn trả nợ (sau ngày 17/4/2024) bên cho vay (nguyên đơn) có quyền đòi lại tiền của bên vay (bị đơn), nhưng bị đơn chỉ trả được số tiền 50.000.00 đồng và còn nợ lại số tiền nợ gốc là 950.000.000 đồng thì không trả nữa, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền là đúng theo quy định tại Điều tại Điều 470 Bộ luật Dân sự.

Xét giao dịch giữa nguyên đơn anh Nguyễn Duy H với bị đơn chị Lê Thị Hoàng T được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự nên có hiệu lực pháp luật.

Xét yêu cầu của anh Nguyễn Duy H buộc chị Lê Thị Hoàng T trả số tiền nợ gốc là 950.000.000 đồng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về số tiền lãi: Anh Nguyễn Duy H yêu cầu Tòa án buộc chị Lê Thị Hoàng T phải trả số tiền lãi đối với số tiền nợ gốc 950.000.000 đồng là 40.739.166 đồng. Xét yêu cầu của anh Nguyễn Duy H về số tiền lãi phù hợp theo mức lãi suất 10%/năm tương đương là 0,83%/tháng, tính từ ngày khởi kiện là 09/9/2024 đến khi xét xử sơ thẩm là ngày 14/02/2025. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Lê Thị Hoàng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 41.722.174 đồng (bốn mươi một triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn một trăm bảy bốn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 274; Điều 280; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 91, 93, 94, 96, 147, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Duy H.

Buộc bị đơn chị Lê Thị Hoàng T phải trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Duy H tổng số tiền là 990.739.166 đồng (chín trăm chín mươi triệu bảy trăm ba mươi chín

ngàn một trăm sáu sáu đồng), trong đó: số tiền nợ gốc là 950.000.000 đồng (chín trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 40.739.166 đồng (bốn mươi triệu bảy trăm ba mươi chín ngàn một trăm sáu sáu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Buộc chị Lê Thị Hoàng T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 41.722.174 đồng (bốn mươi một triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn một trăm bảy bốn đồng). Anh Nguyễn Duy H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Duy H số tiền 20.250.000 đồng (hai mươi triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 000514 ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh G.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn anh Nguyễn Duy H có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/02/2025). Bị đơn chị Lê Thị Hoàng T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh G;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. P;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ/VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Thơ

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hội thẩm nhân dân

**Thẩm phán
Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Ngà

Nơi nhận:

-VKS TP P

-Công an TP P.

-Thị hành án D.S

- Người tham gia tố tụng.

- Bị cáo.

-Lưu HS/HS

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngà